

SỔ hướng dẫn sử dụng

Dell S2218M/S2318M

Số mẫu: S2218M/S2318M

Mẫu quy định: S2218Mc/S2318Mc



Lưu ý, Chú ý và Cảnh báo



LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



CHÚ Ý: LƯU Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

© 2017 Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền.

Nghiêm cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức nếu không có văn bản cho phép của Dell Inc.

Các thương hiệu dùng trong tài liệu này: Logo *Dell* và *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft. Công ty tại Mỹ và/hoặc các quốc gia khác, *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Intel tại Mỹ và các quốc gia khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. *ENERGY STAR* là thương hiệu của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ. Là đối tác *ENERGY STAR*, chúng tôi xác nhận sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn của *ENERGY STAR* về hiệu quả năng lượng. Các thương hiệu và nhãn hiệu khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để đề cập đến những cơ quan xác nhận nhãn hiệu và tên sản phẩm của họ. Dell Inc. khước từ bất cứ quyền sở hữu nào đối với các thương hiệu và nhãn hiệu ngoại trừ các thương hiệu và nhãn hiệu của chính chúng tôi.

Mục lục

| | |
|--|-----------|
| Giới thiệu màn hình..... | 5 |
| Phụ kiện đóng gói..... | 5 |
| Tính năng sản phẩm | 6 |
| Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển | 8 |
| Tính năng Cắm Là Chạy | 11 |
| Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD | 11 |
| Hướng dẫn bảo dưỡng | 11 |
| Lắp đặt màn hình..... | 12 |
| Cắm giá đỡ..... | 12 |
| Kết nối màn hình | 13 |
| Bố trí các loại cáp..... | 14 |
| Tháo giá đỡ màn hình | 15 |
| Sử dụng màn hình..... | 16 |
| Bật nguồn màn hình | 16 |
| Sử dụng các nút điều khiển mặt trước..... | 16 |
| Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)..... | 18 |

Cài đặt độ phân giải tối đa.....31

Sử dụng chức năng Nghiêng32

Khắc phục sự cố33

Tự kiểm tra 33

Chẩn đoán tích hợp.....34

Các sự cố thường gặp35

Sự cố liên quan đến sản phẩm37

Phụ lục38

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác....38

Liên hệ Dell38



Cài Đặt Màn Hình.....39

Thông số kỹ thuật màn hình.....41



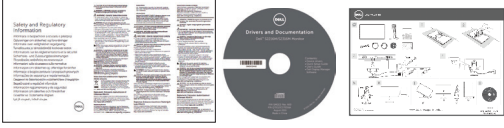
Giới thiệu màn hình

Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu phụ kiện nào.

-  **LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.
-  **LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

| | |
|---|---|
|  | <ul style="list-style-type: none">• Màn hình |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Giá đỡ |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Chân đế |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Adapter nguồn |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia) |

| | |
|---|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Cáp VGA |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Kẹp giữ cáp |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Đĩa chứa driver và tài liệu hướng dẫn • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định |

Tính năng sản phẩm

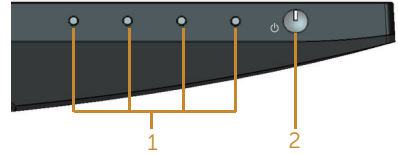
Màn hình phẳng **Dell S2218M_S2318M** sử dụng công nghệ ma trận động, Bóng bán dẫn dạng phim mỏng (TFT), Màn hình tinh thể lỏng (LCD), tấm nền Chuyển hướng trong mặt phẳng (IPS) và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- **S2218M:** hiển thị vùng xem 54,61 cm (21,5 inch) (đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- **S2318M:** hiển thị vùng xem 58,42 cm (23 inch) (đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc xem rộng cho phép xem từ vị trí ngồi hay đứng hoặc trong khi di chuyển từ bên này sang bên khác.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Đĩa phần mềm và tài liệu hướng dẫn chứa File thông tin (INF), File tương thích màu sắc hình ảnh (ICM) và tài liệu mô tả sản phẩm.
- Kèm theo Phần mềm trình quản lý màn hình Dell (trên đĩa CD kèm theo màn hình).
- Màn hình được chứng nhận Energy Star.
- Khe khóa an toàn.
- Có thể chuyển từ tỷ lệ khung hình rộng sang tỷ lệ khung hình chuẩn mà vẫn giữ nguyên chất lượng hình ảnh.
- Màn hình được chứng nhận TCO.
- Giảm sử dụng BFR/PVC (Các bản mạch được chế tạo từ tấm mỏng không chứa BFR/PVC).
- Tỷ lệ tương phản động cao (8.000.000:1).

- Nguồn điện chờ 0,3 W khi ở chế độ chờ.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ bởi màn hình trong thời gian thực.
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt nhờ màn hình chống nháy và tính năng ComfortView - vốn giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.

Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước

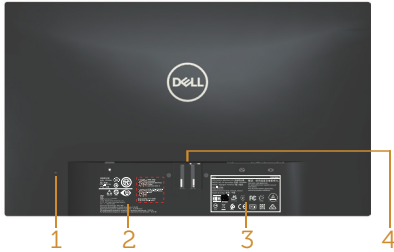


Các nút điều khiển ở mặt trước

| Nhãn | Mô tả |
|------|---|
| 1 | Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình) |
| 2 | Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED) |

LƯU Ý: Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

Mặt sau



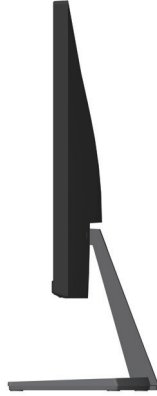
Mặt sau không có giá đỡ màn hình



Mặt sau với giá đỡ màn hình

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|---|--|
| 1 | Khe khóa an toàn | Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (khóa an toàn không kèm theo màn hình). |
| 2 | Nhãn quy định (bao gồm số seri kèm Mã vạch và Nhãn thẻ bảo trì) | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ bảo trì được sử dụng cho việc quản lý bảo hành và dịch vụ khách hàng của Dell và để lưu hồ sơ hệ thống cơ sở. |
| 3 | Có ghi các thông tin quy định | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. |
| 4 | Nút nhả giá đỡ | Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình. |
| 5 | Khe cắm quản lý cáp | Dùng để bố trí các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này. |

Mặt bên



Mặt dưới



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|------------------------|--|
| 1 | Cổng cắm adapter nguồn | Để cắm cáp nguồn màn hình bằng adapter chuyển tiếp DC 12V. |
| 2 | Cổng DVI-D(HDCP) | Kết nối máy tính với màn hình bằng cáp DVI. |
| 3 | Cổng VGA | Để kết nối máy tính với màn hình bằng cáp VGA. |

Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.





CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo các [hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.

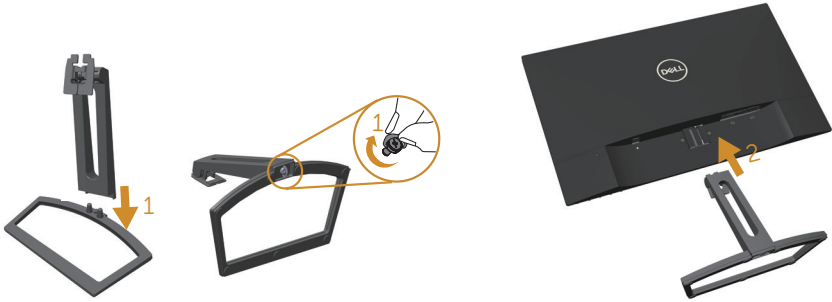
Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn ẩm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.

Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Các bước sau áp dụng cho màn hình có giá đỡ.



Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Lắp thanh đứng vào bộ chân đế, sau đó siết vít vào chân đế.
2. Lắp hai vấu phía trên thanh đứng vào rãnh trên mặt sau của màn hình. Ấn giá đỡ cho tới khi giá được khóa cố định.

Kết nối màn hình

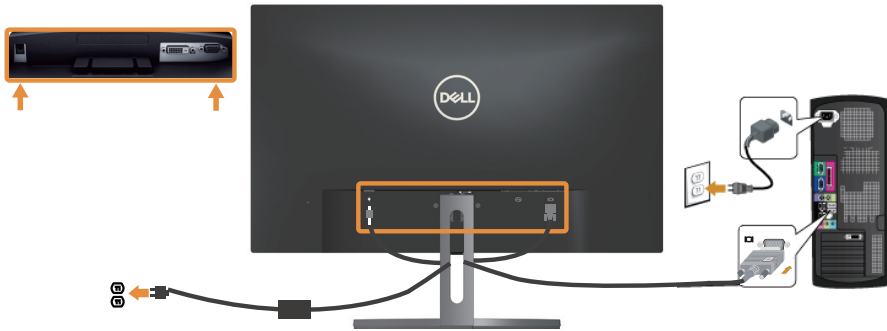
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

✍ LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Cắm cáp kết nối màn hình màu trắng (DVI kỹ thuật số) hoặc màu xanh dương (VGA tương tự) vào cổng video tương ứng phía sau máy tính của bạn. Không dùng cùng lúc cả hai loại cáp này trên cùng một máy tính. Chỉ dùng cả hai loại cáp này khi kết nối chúng với hai máy tính khác nhau qua các hệ thống video thích hợp.

Cắm cáp VGA



Kết nối cáp DVI (Mua ngoài)





Bố trí các loại cáp

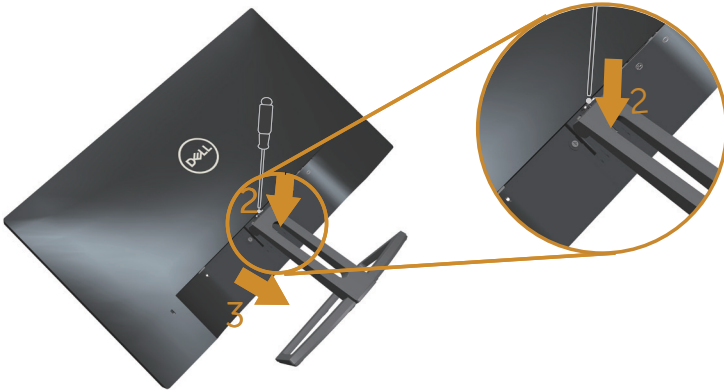


Sau khi bạn cắm mọi loại cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, hãy bố trí mọi loại cáp như hình minh họa ở trên.

LƯU Ý: Sau khi kết nối các loại cáp, bạn cần phải ngắt kết nối chúng thêm lần nữa để chuyển chúng qua lỗ.

Tháo giá đỡ màn hình

-  **LƯU Ý:** Để tránh màn hình LCD bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
-  **LƯU Ý:** Các bước sau áp dụng cho màn hình có giá đỡ.




Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót.
2. Dùng tua vít dài và mỏng để đẩy chốt nhả.
3. Một khi chốt đã được nhả, hãy tháo để giữ ra khỏi màn hình.

Sử dụng màn hình

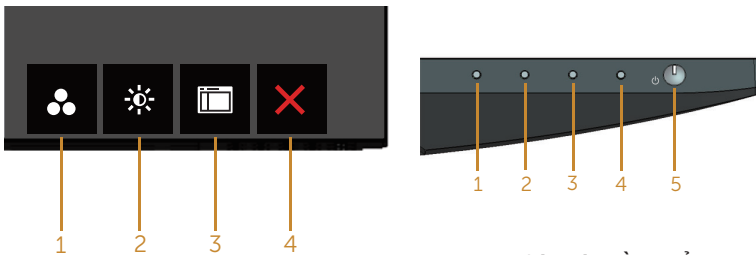
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.






Sử dụng các nút điều khiển mặt trước



Dùng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.



Các nút điều khiển

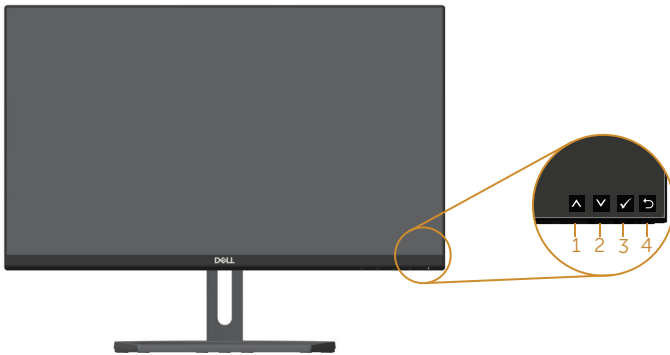
Bảng sau đây mô tả các nút ở mặt trước:





| Nút mặt trước | Mô tả |
|--|---|
| 1  Shortcut key (Phím tắt)/ Preset Modes (Phím tắt)/Chế độ cài sẵn | Dùng nút này để chọn từ danh sách chế độ cài sẵn. |
| 2  Shortcut key (Phím tắt)/ Brightness (Độ sáng)/ Contrast (Độ tương phản) | Dùng nút này để truy cập trực tiếp menu Độ sáng/ Độ tương phản. |
| 3  Menu | Dùng nút MENU này để bật menu Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập menu OSD . |

| | | |
|---|---|---|
| 4 |  Exit (Thoát) | Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD. |
| 5 |  Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED) | Dùng nút Power (Nguồn) để On (Bật) và Off (Tắt) màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang Bật và hoạt động đầy đủ. Đèn trắng nhấp nháy cho biết chế độ tiết kiệm điện. |

Các nút điều khiển menu OSD

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



| | Nút mặt trước | Mô tả |
|---|---|--|
| 1 |  Lên | Dùng nút Lên để tăng các giá trị hoặc chuyển lên. |
| 2 |  Xuống | Dùng nút Down (Xuống) để điều chỉnh (thu hẹp phạm vi) các mục trong trình đơn hiển thị trên màn hình. |
| 3 |  OK | Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn. |
| 4 |  Trở về | Dùng nút Back (Quay trở lại) để quay trở lại trình đơn hiển thị trước. |

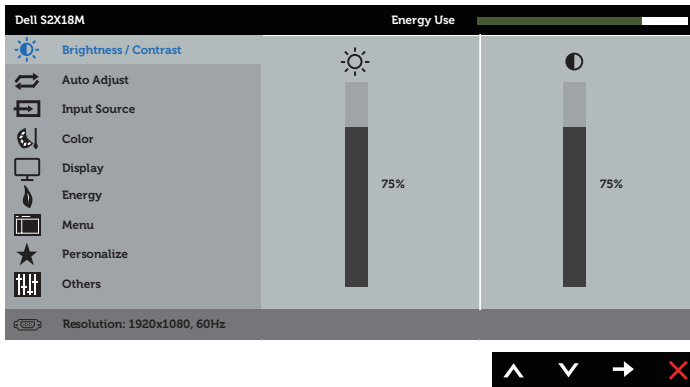
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)










Truy cập menu OSD


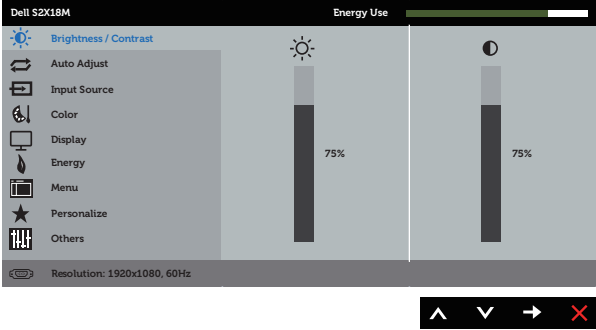




LƯU Ý: Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiếp tục chuyển sang một menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu lại các thay đổi này. Các thay đổi cũng được lưu lại nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó đợi menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.

Menu chính cho đầu vào (VGA) analog



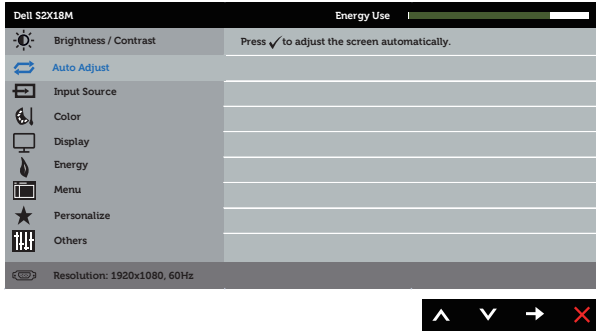
2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm. Xem bảng sau để biết danh sách hoàn chỉnh của tất cả tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  và sau đó sử dụng các nút  và , theo chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.

| Biểu tượng | Menu và Menu phụ | Mô tả |
|--|--|--|
|  | Brightness (Độ sáng)/Contrast (Độ tương phản) | <p>Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh Brightness (Độ sáng)/Contrast (Độ tương phản).</p>  |
| | Brightness (Độ sáng) | <p>Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng của đèn nền. Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100). LƯU Ý: Tính năng điều chỉnh thủ công Độ sáng sẽ bị tắt khi Tính năng Tương phản Động được bật.</p> |
| | Contrast (Độ tương phản) | <p>Chỉnh Brightness (Độ sáng) trước rồi chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần phải chỉnh thêm. Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100). Chức năng Contrast (Độ tương phản) sẽ chỉnh mức độ khác biệt giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p> |



Auto Adjust (Chỉnh tự động)

Dùng nút này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.



Hộp thoại sau hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sang đầu vào hiện hành:

Auto Adjustment in Progress...

Chức năng Chỉnh tự động cho phép màn hình tự chỉnh sang tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động), bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (Thô) và Phase (Pha) (Mịn) trong Display Settings (Cài đặt hiển thị).

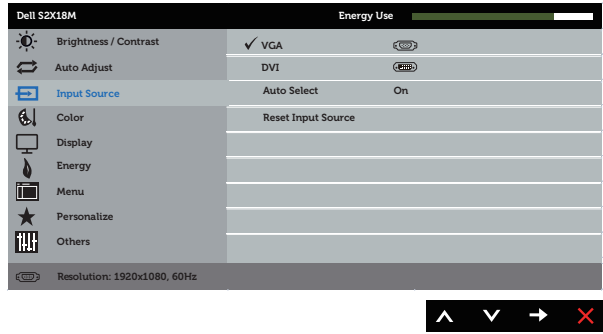
LƯU Ý: Auto Adjust (Chỉnh tự động) không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.

Tùy chọn này chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.



Input Source (Nguồn vào)

Dùng menu Input Source (Nguồn vào) để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.

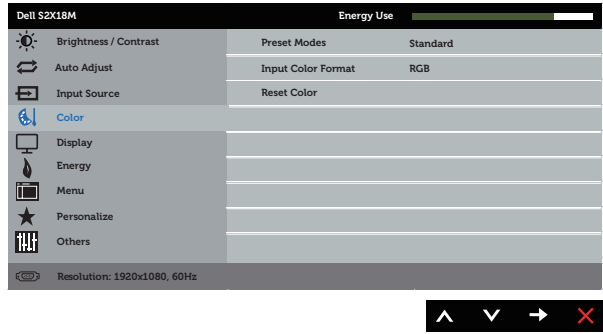


| | |
|---|--|
| VGA | Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) analog. Nhấn để chọn nguồn vào VGA. |
| DVI | Chọn đầu vào DVI khi sử dụng đầu nối Kỹ thuật số (DVI). Nhấn để chọn nguồn vào DVI. |
| Auto Select (Chọn tự động) | Chọn Auto Select (Chọn tự động) để dò tìm các tín hiệu đầu vào khả dụng. |
| Reset Input Source (Cài lại đầu vào) | Chọn tùy chọn này để phục hồi nguồn vào mặc định. |



Color (Màu sắc)



Dùng Color (Màu sắc) để chỉnh chế độ cài đặt màu.

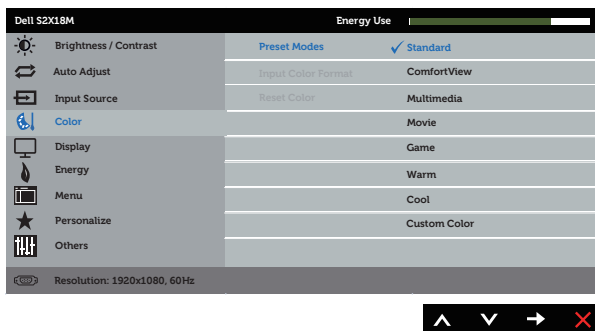


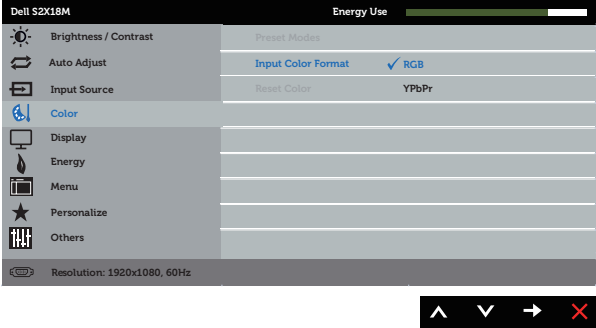
Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

Khi chọn preset modes (chế độ cài sẵn), bạn có thể chọn Standard (Chuẩn), ComfortView (Xem thoải mái), Multimedia (Đa phương tiện), Movie (Phim), Game (Trò chơi), Warm (Nóng), Cool (Nguội) hoặc Custom Color (Màu tùy chỉnh) từ danh sách.

- Standard (Chuẩn): Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- ComfortView (Xem thoải mái): Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.
- Multimedia (Đa phương tiện): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- Movie (Phim): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- Game (Trò chơi): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi game.
- Warm (Nóng): Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- Cool (Nguội): Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- Custom Color (Màu tùy chỉnh): Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.

Nhấn các nút  và  để chỉnh ba giá trị màu (Đỏ, Lục, Lam) và tạo chế độ màu riêng cài sẵn của bạn.

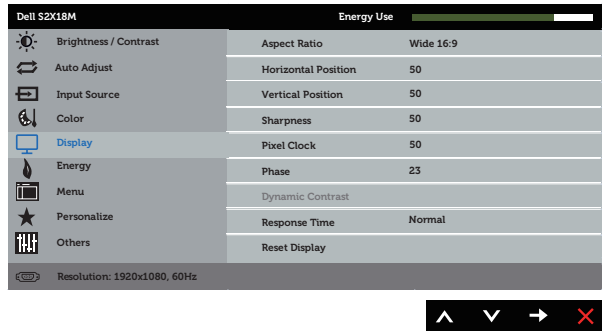


| | |
|--|---|
| <p>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</p> | <p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> • RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát DVD qua adapter kết nối HDMI với DVI. • YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.  |
| <p>Hue (Tông màu)</p> | <p>Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu đa mong muốn. Dùng ▲ hoặc ▼ để chỉnh tông màu từ 0 đến 100.</p> <p>Nhấn ▲ để tăng hình dạng xanh lục của hình video.</p> <p>Nhấn ▼ để tăng hình dạng màu tím của hình video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Hue (Tông màu) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p> |
| <p>Saturation (Độ bão hòa)</p> | <p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video. Dùng ▲ hoặc ▼ để chỉnh độ bão hòa từ '0' đến '100'.</p> <p>Nhấn ▲ để tăng hình dạng đơn sắc của hình video.</p> <p>Nhấn ▼ để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.</p> <p>LƯU Ý: Bạn chỉ có thể điều chỉnh độ bão hòa màu khi chọn chế độ cài sẵn Movie hoặc Game.</p> |
| <p>Reset Color (Cài lại màu)</p> | <p>Cho phép cài đặt màu sắc màn hình về cài đặt gốc.</p> |



Display (Hiển thị)

Sử dụng Display (Hiển thị) để chỉnh hình.



Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Chỉnh tỷ lệ hình sang Rộng 16:9, 4:3 hoặc 5:4.

Horizontal Position (Vị trí ngang)

Dùng các nút hoặc để chỉnh hình ảnh sang trái và phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Vertical Position (Vị trí dọc)

Dùng các nút hoặc để chỉnh hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Sharpness (Độ sắc nét)

Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng hoặc để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)

Các điều chỉnh Pha và Đồng hồ điểm ảnh cho phép chỉnh màn hình sang lựa chọn ưu tiên của bạn. Dùng các nút hoặc để chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Phase (Pha)

Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Pha, hãy sử dụng điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh (thô) và sau đó sử dụng lại Pha (mịn). Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Dynamic Contrast (Độ tương phản động)

Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.

Nhấn nút để cài Dynamic Contrast (Độ tương phản động) sang On (Bật) hoặc "Off (Tắt)".


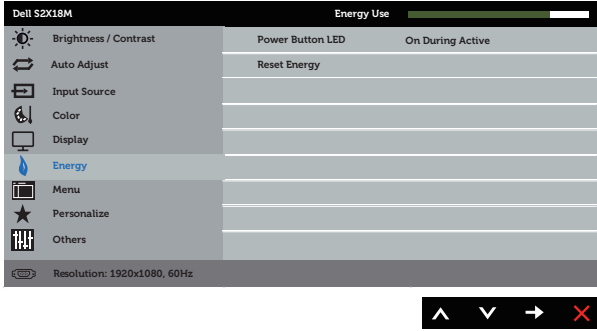

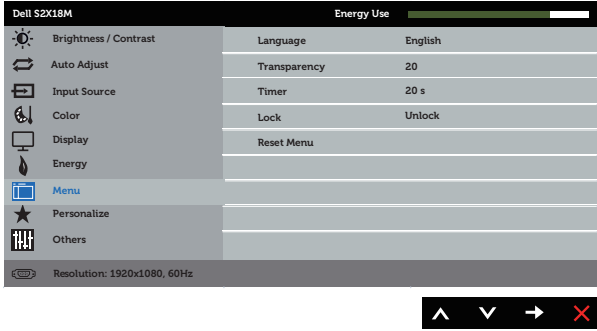




LƯU Ý: Tương phản Động đem đến độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn Game hoặc Movie.

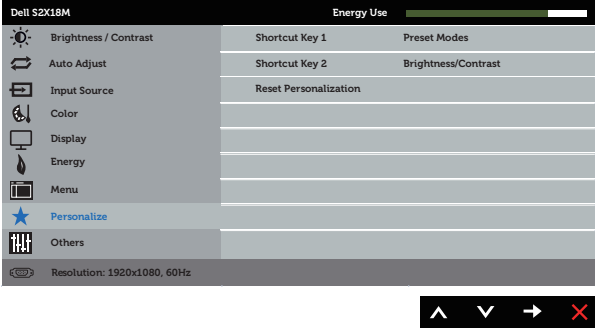
Response Time (Thời gian hồi đáp)

Người dùng có thể chọn giữa Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường).

Reset Display (Cài lại hiển thị)

Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.

| | | |
|--|--|---|
|  | <p>Energy (Năng lượng)</p> |  |
| | <p>Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)</p> | <p>Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang On During Active (Bật trong khi hoạt động) hoặc Off During Active (Tắt trong khi hoạt động) để tiết kiệm điện.</p> |
| | <p>Reset Energy (Cài lại năng lượng)</p> | <p>Chọn tùy chọn này để phục hồi Energy Settings (Cài đặt năng lượng) mặc định.</p> |
|  | <p>Menu</p> | <p>Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...</p>  |
| | <p>Language (Ngôn ngữ)</p> | <p>Tùy chọn ngôn ngữ sẽ cài đặt màn hình OSD sang một trong 8 thứ tiếng (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản thể hoặc Nhật).</p> |
| | <p>Transparency (Độ trong suốt)</p> | <p>Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút  và  từ 0 đến 100.</p> |
| | <p>Timer (Hẹn giờ)</p> | <p>Thời gian chờ hiển thị trên màn hình (OSD): Cài thời lượng mà menu OSD sẽ vẫn tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.</p> <p>Sử dụng  hoặc  để chỉnh con trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.</p> |

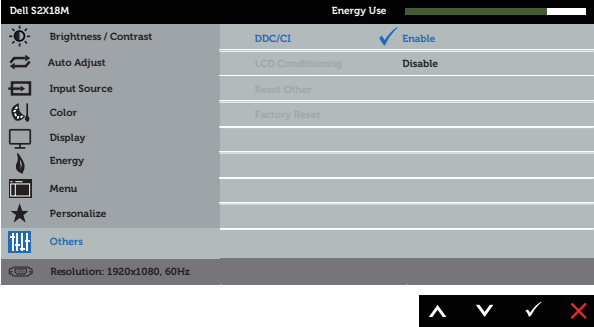
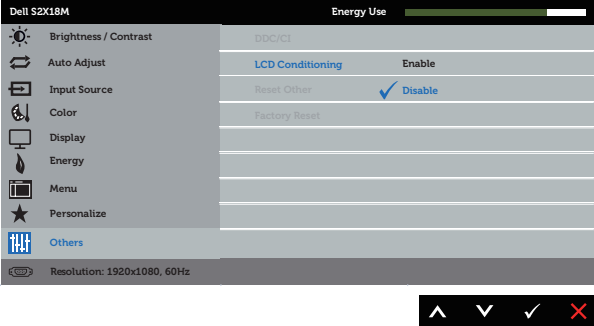
| | Lock (Khóa) | <p>Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Khi đã chọn Khóa, bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút đều bị khóa.</p> <p>LƯU Ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lock (Khóa) – Khóa mềm (qua menu OSD) hoặc khóa cứng (nhấn và giữ nút bên trong nút nguồn trong 6 giây) • Unlock (Mở khóa) – Chỉ mở khóa cứng (nhấn và giữ nút bên trong nút nguồn trong 6 giây) | | | | | | | | | | | | |
|-----------------------|--|---|--------|----------------|----------------|--------------|----------------|--------------|---------------------|----------------|---------------------|-----------------------|--|--|
| | Reset Menu (Cài lại menu) | Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc. | | | | | | | | | | | | |
| ★ | Personalize (Cá nhân hóa) | <p>Người dùng có thể chọn một tính năng từ Shortcut Key (Phím tắt) 1, Shortcut Key (Phím tắt) 2, Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa), Preset Modes (Chế độ cài sẵn) hoặc Brightness (Độ sáng)/Contrast (Độ tương phản) và cài nó làm phím tắt.</p>  <p>The screenshot shows the OSD menu for a Dell S2X18M monitor. The 'Personalize' option is highlighted with a blue star icon. The menu includes options like Brightness / Contrast, Auto Adjust, Input Source, Color, Display, Energy, Menu, Personalize, and Others. A table on the right side of the menu shows the following assignments:</p> <table border="1" data-bbox="624 603 1001 863"> <thead> <tr> <th>Option</th> <th>Shortcut Key 1</th> <th>Shortcut Key 2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Preset Modes</td> <td>Shortcut Key 1</td> <td>Preset Modes</td> </tr> <tr> <td>Brightness/Contrast</td> <td>Shortcut Key 2</td> <td>Brightness/Contrast</td> </tr> <tr> <td>Reset Personalization</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | Option | Shortcut Key 1 | Shortcut Key 2 | Preset Modes | Shortcut Key 1 | Preset Modes | Brightness/Contrast | Shortcut Key 2 | Brightness/Contrast | Reset Personalization | | |
| Option | Shortcut Key 1 | Shortcut Key 2 | | | | | | | | | | | | |
| Preset Modes | Shortcut Key 1 | Preset Modes | | | | | | | | | | | | |
| Brightness/Contrast | Shortcut Key 2 | Brightness/Contrast | | | | | | | | | | | | |
| Reset Personalization | | | | | | | | | | | | | | |
| | Shortcut Key 1 (Phím tắt 1) | Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness (Độ sáng)/ Contrast (Độ tương phản), Auto Adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào) và Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) để cài làm Shortcut Key (Phím tắt) 1. | | | | | | | | | | | | |
| | Shortcut Key 2 (Phím tắt 2) | Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness (Độ sáng)/ Contrast (Độ tương phản), Auto Adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào) và Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) để cài làm Shortcut Key (Phím tắt) 2. | | | | | | | | | | | | |
| | Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa) | Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định. | | | | | | | | | | | | |




Others (Khác)

Dell S2X18M Energy Use

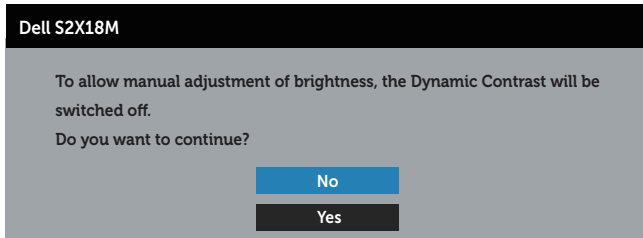
| | | |
|-----------------------------|------------------|---------|
| Brightness / Contrast | DDC/CI | Enable |
| Auto Adjust | LCD Conditioning | Disable |
| Input Source | Reset Other | |
| Color | Factory Reset | |
| Display | | |
| Energy | | |
| Menu | | |
| Personalize | | |
| Others | | |
| Resolution: 1920x1080, 60Hz | | |

| | |
|---|---|
| <p>DDC/CI</p> | <p>DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính.</p> <p>Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Tắt. Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.</p>  |
| <p>LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)</p> | <p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn Enable (Bật).</p>  |
| <p>Cài lại mục khác</p> | <p>Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu cài đặt Others (Khác) về giá trị mặc định gốc.</p> |
| <p>Factory Reset (Cài về mặc định gốc)</p> | <p>Thiết lập lại mọi cài đặt về giá trị mặc định gốc.</p> |

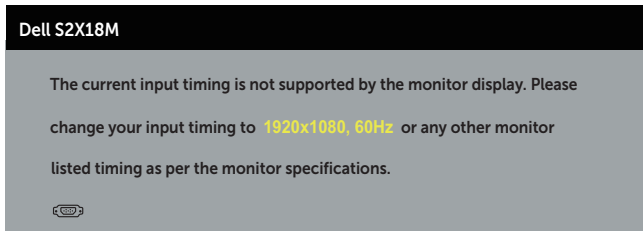
 **LƯU Ý:** Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

Thông tin cảnh báo OSD

Khi đã bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong các chế độ cài sẵn sau: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**), tùy chọn chỉnh độ sáng thủ công sẽ bị tắt.

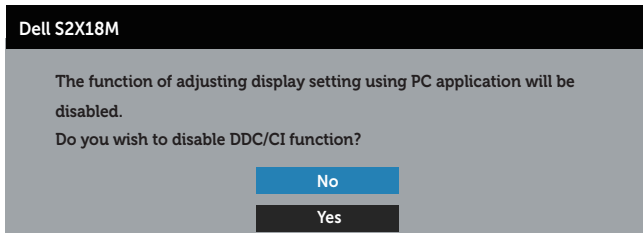


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết các biên độ tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyên dùng là 1920 x 1080.

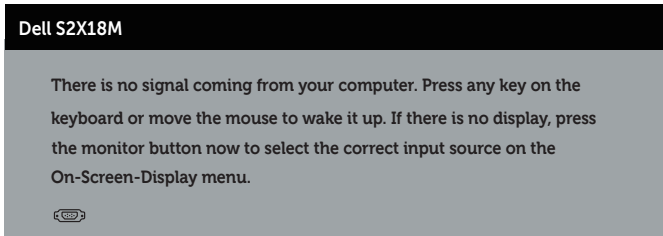
Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau đây trước khi chức năng **DDC/CI** bị tắt:



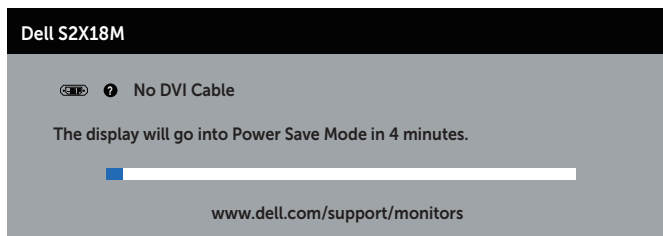
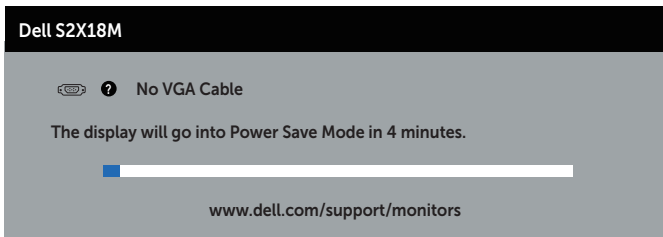
Khi màn hình vào **Chế độ tiết kiệm điện**, thông báo sau sẽ hiển thị:



Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:



Nếu chưa cắm cáp VGA hoặc DVI, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào Chế độ tiết kiệm điện sau 4 phút nếu vẫn còn nằm ở trạng thái này.



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Độ phân giải màn hình**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải sổ xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy 1920 x 1080 như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.

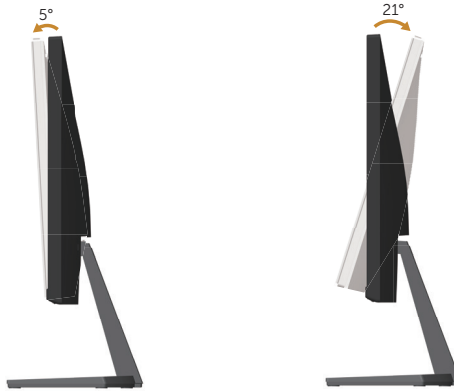
Sử dụng chức năng Nghiêng

LƯU Ý: Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kỳ loại giá đỡ nào khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

Xoay màn hình

Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình phải được kéo dài hoàn toàn theo hướng thẳng và đặt nghiêng lên hoàn toàn để tránh chạm mép dưới màn hình.

LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



Khắc phục sự cố

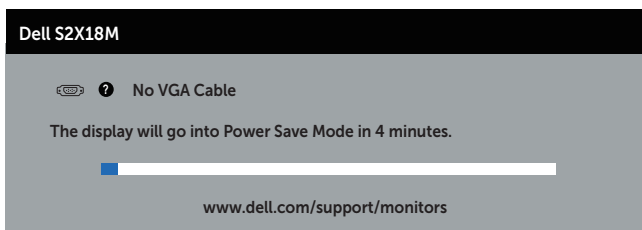
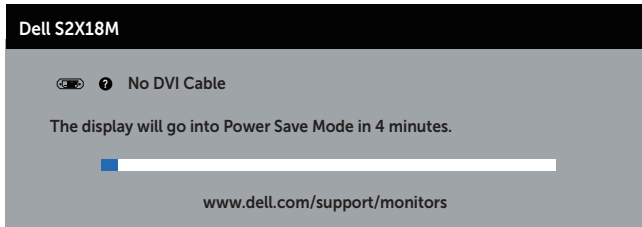
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút cáp video khỏi mặt sau máy tính. Để đảm bảo sử dụng thao tác Tự kiểm tra đúng cách, hãy rút tất cả các loại cáp kỹ thuật số và analog ra khỏi mặt sau máy tính.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.



✍ LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

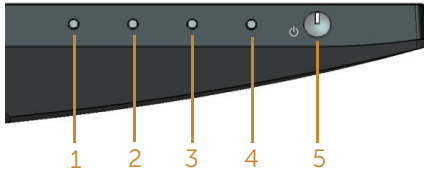
4. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình vẫn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động thích hợp.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Ấn và giữ Nút 1 trong vòng 5 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Ấn Nút 1 dưới đáy màn hình lần nữa. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, đen, trắng và văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, ấn Nút 1 lần nữa. Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.

Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

| Triệu chứng thường gặp | Sự cố gặp phải | Giải pháp khả thi |
|--|-------------------------------------|--|
| Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt | Không có hình | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn vào). |
| Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật | Không có hình hoặc không sáng | <ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn vào). |
| Lấy nét kém | Hình bị mờ, nhòe hoặc có bóng mờ | <ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp. |
| Video rung/chập chờn | Hình gợn sóng hoặc chuyển động chậm | <ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác. |
| Thiếu điểm ảnh | Màn hình LCD có các chấm | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors. |
| Điểm ảnh bị dính | Màn hình LCD có các chấm sáng | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chất lượng Màn hình Dell và Chính sách Pixel, vui lòng ghé thăm trang Hỗ trợ của Dell tại địa chỉ: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Sự cố độ sáng | Hình quá mờ hoặc quá sáng | <ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD. |

| | | |
|-----------------------------|--|---|
| Méo hình | Màn hình không canh giữa thích hợp | <ul style="list-style-type: none"> Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD. |
| Đường ngang/ dọc | Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ | <ul style="list-style-type: none"> Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Sự cố đồng bộ hóa | Màn hình bị chong lấp hoặc có vệt bị vỡ | <ul style="list-style-type: none"> Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chong lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn. |
| Sự cố liên quan đến an toàn | Các dấu hiệu khói hay tia lửa có thể nhìn thấy | <ul style="list-style-type: none"> Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. Liên hệ ngay với Dell. |
| Sự cố gián đoạn | Giám sát hồng hóc bật & tắt | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. |
| Thiếu màu sắc | Hình ảnh thiếu màu sắc | <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. |
| Màu sắc không đúng | Màu sắc hình ảnh không đẹp | <ul style="list-style-type: none"> Đổi Chế độ cài đặt màu trong menu OSD Cài đặt màu sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. Thử dụng Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD cài đặt Color (Màu). Chỉnh giá trị Đỏ/Lục/Lam trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên menu OSD cài đặt Color (Màu). Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB (Đỏ-Lục-Lam) hoặc YPbPr (Lục-Lam-Đỏ) trong menu OSD cài đặt Color (Màu). Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |



| | | |
|---|---|--|
| Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài | Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tính năng Power Management (Quản lý nguồn) để tắt màn hình vào bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động. |
| Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video | Hình di động hình như có vết bóng mờ hoặc cạnh sáng. | <ul style="list-style-type: none"> Đổi Response Time (Thời gian hồi đáp) trong menu OSD Display (Hiển thị) sang Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn. |

Sự cố liên quan đến sản phẩm

| Triệu chứng cụ thể | Sự cố gặp phải | Giải pháp khả thi |
|--|--|---|
| Ảnh màn hình quá nhỏ | Ảnh được canh giữa màn hình nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD cài đặt Display (Hiển thị). Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). |
| Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt bên cạnh | Menu OSD không hiển thị trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình. Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút phía trên nút Power (Nguồn) trong 6 giây để mở khóa. (Để biết thêm chi tiết, xem Khóa). |
| Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng | Không có hình, đèn LED màu trắng | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím. Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần. Thiết lập lại máy tính hoặc đầu phát video. |
| Ảnh không hiển thị toàn màn hình | Ảnh không lấp đầy chiều cao hay trải rộng trên toàn màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình. Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |

Phụ lục

CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn

-  **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.
-  **CẢNH BÁO:** Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.


Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác

Để có các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

-  **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.


Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

1. Truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong danh sách **Chọn quốc gia/khu vực** sổ xuống ở cuối trang.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang web.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

-  **CẢNH BÁO:** Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

Cài Đặt Màn Hình

Cài đặt độ phân giải màn hình

Để đạt được hiệu suất hiển thị tối đa với hệ điều hành Microsoft Windows, hãy đặt độ phân giải màn hình ở mức **1920 x 1080** pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Độ phân giải màn hình**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải số xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải đề nghị dưới dạng một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver card đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các bước hướng dẫn.

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell™ kết nối internet

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa..
2. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang **1920 x 1080**, vui lòng liên hệ với Dell™ để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell™

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
4. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để tải driver cập nhật (ví dụ: www.ATI.com HOẶC www.NVIDIA.com).

7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang mức **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải đề nghị, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua loại card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng

| Mẫu | S2218M | S2318M |
|-------------------------------|--|--|
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động | Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động |
| Loại tấm nền | Chuyển đổi trên mặt phẳng | Chuyển đổi trên mặt phẳng |
| Hình có thể xem | | |
| Nghiêng | 54,61 mm (21,5 in) | 58,42 mm (23 in) |
| Vùng hoạt động ngang | 476,06 mm (18,74 in) | 509,18 mm (20,05 in) |
| Vùng hoạt động dọc | 267,78 mm (10,54 in) | 286,42 mm (11,28 in) |
| Vùng | 1274,79 cm ² (197,59 trong ²) | 1458,35 cm ² (226,04 trong ²) |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,248 mm | 0,265 mm |
| Góc xem | Chuẩn là 178 độ (dọc) Chuẩn là 178 độ (ngang) | Chuẩn là 178 độ (dọc) Chuẩn là 178 độ (ngang) |
| Công suất độ sáng | 250 cd/m ² (chuẩn), | 250 cd/m ² (chuẩn) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động) | 1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động) |
| Lớp phủ bề mặt | Ít sương mù với lớp phủ cứng 3H | Ít sương mù với lớp phủ cứng 3H |
| Đèn nền | Hệ thống đèn LED viền | Hệ thống đèn LED viền |
| Thời gian đáp ứng | Chuẩn 6 mili giây - xám sang xám | Chuẩn 6 mili giây - xám sang xám |
| Độ sâu màu | 16,78 triệu màu | 16,78 triệu màu |
| Gam màu | 82 % (chuẩn)* | 82 % (chuẩn)* |

*Gam màu (chuẩn) [S2218M/S2318M] dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm CIE1976 (82%) và CIE1931 (72%).

Thông số kỹ thuật độ phân giải

| Mẫu | S2218M | S2318M |
|-----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Dải quét ngang | 30 kHz - 83 kHz (tự động) | 30 kHz - 83 kHz (tự động) |
| Dải quét dọc | 56 Hz - 76 Hz (tự động) | 56 Hz - 76 Hz (tự động) |
| Độ phân giải cài sẵn tối đa | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz |

Chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế độ hiển thị | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Đồng hồ điểm ảnh (MHz) | Cực đồng bộ (Ngang/Dọc) |
|-------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| VESA, 720 x 400 | 31,5 | 70,1 | 28,3 | -/+ |
| VESA, 640 x 480 | 31,5 | 60,0 | 25,2 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,5 | 75,0 | 31,5 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 37,9 | 60,3 | 40,0 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 46,9 | 75,0 | 49,5 | +/+ |
| VESA, 1024 x 768 | 48,4 | 60,0 | 65,0 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 60,0 | 75,0 | 78,8 | +/+ |
| VESA, 1152 x 864 | 67,5 | 75,0 | 108,0 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 64,0 | 60,0 | 108,0 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 80,0 | 75,0 | 135,0 | +/+ |
| VESA, 1600 x 900 | 60,0 | 60,0 | 108,0 | +/+ |
| VESA, 1920 x 1080 | 67,5 | 60,0 | 148,5 | +/+ |

Thông số kỹ thuật điện

| Mẫu | S2218M & S2318M | |
|--|--|--|
| Tín hiệu đầu vào video | <ul style="list-style-type: none"> • RGB (Đỏ-Lục-Lam) analog, 0,7 V +/-5%, cực dương với trở kháng đầu vào 75 ohm • DVI TMDS kỹ thuật số, 600 mV cho từng dòng khác biệt, cực dương với trở kháng đầu vào 50 ohm | |
| Tín hiệu đầu vào đồng bộ | Đồng bộ ngang và dọc riêng biệt, mức TTL vô cực, SOG (ĐỒNG BỘ tổng hợp màu lục) | |
| Dòng điện khởi động | Không gây hư hại khi khởi động nguội | |
| Adapter AC/DC (điện xoay chiều/một chiều)* | Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào | Adapter Delta ADP-40DD B: 100 VAC đến 240 VAC/ 50 Hz đến 60 Hz ± 3 Hz/1,5 A (Tối đa), Adapter Lite-On PA-1041-81: 100 VAC đến 240 VAC/ 50 Hz đến 60 Hz ± 3 Hz/1,2 A (Tối đa). |
| | Điện áp/dòng điện đầu ra | Đầu ra: 12VDC/3,33A |

Đặc tính vật lý

| Mẫu | S2218M | S2318M |
|---|---|---|
| Loại cáp tín hiệu | <ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số:cáp rời DVI với các chấu chắc chắn. • Analog:cáp rời D-Sub 15 chấu | <ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số:cáp rời DVI với các chấu chắc chắn. • Analog:cáp rời D-Sub 15 chấu |
| Kích thước (có giá đỡ) | | |
| Chiều cao | 385,5 mm (15,18 in) | 404,0 mm (15,90 in) |
| Chiều rộng | 489,5 mm (19,27 in) | 522,2 mm (20,56 in) |
| Độ dày | 147,9 mm (5,82 in) | 147,9 mm (5,82 in) |
| Kích thước (không có giá đỡ) | | |
| Chiều cao | 293,9 mm (11,57 in) | 312,3 mm (12,29 in) |
| Chiều rộng | 489,5 mm (19,27 in) | 522,2 mm (20,56 in) |
| Độ dày | 49,1 mm (1,93 in) | 49,1 mm (1,93 in) |
| Kích thước giá đỡ | | |
| Chiều cao | 171,6 mm (6,76 in) | 171,6 mm (6,76 in) |
| Chiều rộng | 246,6 mm (9,71 in) | 246,6 mm (9,71 in) |
| Độ dày | 147,9 mm (5,82 in) | 147,9 mm (5,82 in) |
| Trọng lượng | | |
| Trọng lượng có thùng đựng | 4,93 kg (10,87 lb) | 5,34 kg (11,78 lb) |
| Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp | 3,26 kg (7,19 lb) | 3,57 kg (7,88 lb) |
| Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ | 2,27 kg (5,00 lb) | 2,58 kg (5,69 lb) |
| Trọng lượng của bộ phận giá đỡ | 0,53 kg (1,17 lb) | 0,53 kg (1,17 lb) |
| Độ bóng khung trước | Khung đen - 85 đơn vị bóng (tối thiểu) | Khung đen - 85 đơn vị bóng (tối thiểu) |

Đặc tính môi trường

| Mẫu | | S2218M | S2318M |
|----------------------------|------------|--|--|
| Nhiệt độ | | | |
| Sử dụng | | 0°C - 40°C (32°F - 104°F) | 0°C - 40°C (32°F - 104°F) |
| Không sử dụng | Bảo quản | <ul style="list-style-type: none"> -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) | <ul style="list-style-type: none"> -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) |
| | Vận chuyển | <ul style="list-style-type: none"> -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) | <ul style="list-style-type: none"> -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) |
| Độ ẩm | | | |
| Sử dụng | | 10% đến 80% (không ngưng tụ) | 10% đến 80% (không ngưng tụ) |
| Không sử dụng | | <ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ) | <ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ) |
| Độ cao | | | |
| Sử dụng (tối đa) | | 5.000 m (16.400 ft) | 5.000 m (16.400 ft) |
| Không sử dụng (tối đa) | | 12.192 m (40.000 ft) | 12.192 m (40.000 ft) |
| Công suất tản nhiệt | | <ul style="list-style-type: none"> 78,48 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 71,65 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn) | <ul style="list-style-type: none"> 92,13 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 75,07 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn) |

Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã cài đặt card màn hình hay phần mềm tuân thủ chuẩn DPM™ VESA vào máy tính, màn hình sẽ tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này gọi là Power Save Mode (Chế Độ Tiết Kiệm Điện)*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ tắt khi rút cáp chính ra khỏi màn hình.

S2218M

| Chế độ VESA | Đồng bộ ngang | Đồng bộ dọc | Video | Đèn báo nguồn | Mức tiêu thụ điện |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động | Hoạt động | Hoạt động | Trắng | 23 W (tối đa) 21 W (chuẩn) |
| Chế độ hoạt động tắt | Không hoạt động | Không hoạt động | Đề trống | Trắng (Sáng rực) | Dưới 0,3 W |
| Tắt | - | - | - | Tắt | Dưới 0,3 W |

| Energy Star | Mức tiêu thụ điện |
|-------------|-------------------|
| P_{ON} | 16 W |
| E_{TEC} | 50,59 Kw/giờ |

S2318M

| Chế độ VESA | Đồng bộ ngang | Đồng bộ dọc | Video | Đèn báo nguồn | Mức tiêu thụ điện |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|------------------|-------------------------------|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động | Hoạt động | Hoạt động | Trắng | 27 W (tối đa) 22 W (chuẩn) |
| Chế độ hoạt động tắt | Không hoạt động | Không hoạt động | Đề trống | Trắng (Sáng rực) | Dưới 0,3 W |
| Tắt | - | - | - | Tắt | Dưới 0,3 W |

| Energy Star | Mức tiêu thụ điện |
|-------------|-------------------|
| P_{ON} | 16 W |
| E_{TEC} | 50,81 Kw/giờ |

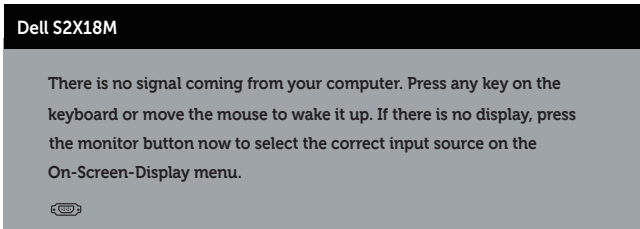
LƯU Ý:

P_{ON} : Mức tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.


E_{TEC} : Tổng năng lượng tiêu thụ tính bằng KWh được xác định trong Energy Star phiên bản 7.0.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất cứ nút nào ở chế độ Tắt hoạt động, một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị:



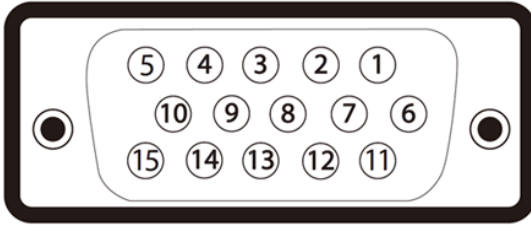
Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

 **LƯU Ý:** Màn hình này phù hợp với tiêu chuẩn **ENERGY STAR**.



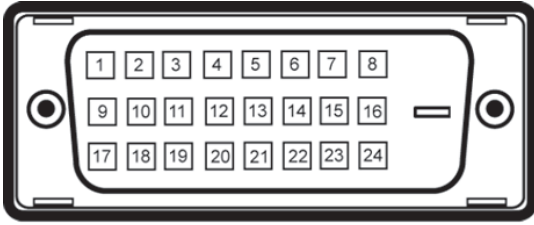
Cách gán châu cắm

Đầu cắm cáp VGA



| Số châu cắm | Phía 15 châu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|---|
| 1 | Video-Đỏ |
| 2 | Video-Lục |
| 3 | Video-Lam |
| 4 | Nối đất |
| 5 | Tự kiểm tra |
| 6 | Nối đất-Đỏ |
| 7 | Nối đất-Lục |
| 8 | Nối đất-Lam |
| 9 | máy tính 5V/3.3V |
| 10 | Nối đất-đồng bộ |
| 11 | Nối đất |
| 12 | Dữ liệu DDC |
| 13 | Đ.bộ ngang |
| 14 | Đ.bộ dọc |
| 15 | Đồng hồ DDC |

Đầu cắm DVI



| Số chấu cắm | Phía 24 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|---|
| 1 | Công tắc TMDS RX2- |
| 2 | Công tắc TMDS RX2+ |
| 3 | Nối đất TMDS |
| 4 | Không nối đất |
| 5 | Không nối đất |
| 6 | Đồng hồ DDC |
| 7 | Dữ liệu DDC |
| 8 | Không nối đất |
| 9 | Công tắc TMDS RX1- |
| 10 | Công tắc TMDS RX1+ |
| 11 | Nối đất TMDS |
| 12 | Không nối đất |
| 13 | Không nối đất |
| 14 | Công suất +5 V/+3,3 V |
| 15 | Tự kiểm tra |
| 16 | Phát hiện cảm nóng |
| 17 | Công tắc TMDS RX0- |
| 18 | Công tắc TMDS RX0+ |
| 19 | Nối đất TMDS |
| 20 | Không nối đất |
| 21 | Không nối đất |
| 22 | Nối đất TMDS |
| 23 | Đồng hồ TMDS+ |
| 24 | Đồng hồ TMDS- |